

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2024

Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: - Ông Huỳnh Tòa

+ Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Tiên

- Bà Hoàng Thị Minh

+ Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Sầm Thị M, sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ 2, Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Mông Văn T1, sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ 5, Ấp B, xã P huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2022, quá trình làm việc, hòa giải nguyên đơn bà Sầm Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà M với ông T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2022. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do đó tình cảm vợ chồng không còn, đến nay không ai còn quan T1 đến ai cả. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T1, cả hai vợ chồng không đoàn tụ được với nhau.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung là Mông Đức T, sinh ngày 30/5/2022. Khi ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung bà M yêu cầu ông T1 cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.500.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn ông Mông Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T1 đồng ý với ý kiến cô M về kết hôn, mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông T1 đồng ý thuận tình ly hôn với cô M.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi có 01 người con chung là Mông Đức T, sinh ngày 30/5/2022. Khi ly hôn ông T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T1 không yêu cầu cô M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Nguyên đơn bà M và bị đơn ông T1 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay bà M có đơn yêu cầu ly hôn, quá trình thu thập chứng cứ nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hòa giải đoàn tụ được, ông T1 cũng đồng ý ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà M và ông T1 có 01 con chung là Mông Đức T, sinh ngày 30/5/2022, do hiện nay cháu dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử cần ưu tiên giao cháu T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: Bà Sầm Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Mông Văn T1, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Mông Văn T1 hiện cư trú tại: Tổ 5, Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Bc. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước.

Về yêu cầu của đương sự: Quá trình làm việc và tại phiên tòa bà M yêu cầu được ly hôn với và yêu cầu được quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con

chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T1 kết hôn với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Phú vào năm 2022. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống thì giữa bà M và ông T1 sống hạnh phúc thời gian đầu và sau đó đến tháng 6 năm 2023 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, cả hai đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay không ai còn quan T1 chăm sóc đến ai cả, mạnh ai người đó sống. Quá trình làm việc Tòa án cũng tạo điều kiện thời gian để hai vợ chồng hòa giải đoàn tụ để cùng nhau bỏ qua mâu thuẫn nhằm xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra, hiện nay bà M không còn tình cảm gì với ông T1 và cả hai đã ly thân, ông T1 cũng đồng ý ly hôn với bà M. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà M và ông T1 lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên là Mông Đức T, sinh ngày 30/5/2022; khi ly hôn bà M và ông T1 đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Xét thấy cả bà M và ông T1 đều có công việc và thu nhập ổn định, bà M có thu nhập từ lương mỗi tháng ổn định 10.500.000.000 đồng và ông T1 có thu nhập từ lương bình quân mỗi tháng là hơn 8.000.000 đồng, cả hai đều đảm bảo điều kiện nuôi con, tuy nhiên căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024 do cháu T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần ưu tiên bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, do đó cần ưu tiên giao con chung là cháu Mông Đức T, sinh ngày 30/5/2022 cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M yêu cầu ông T1 cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng cho con chung là Mông Đức T, xét thấy cháu T hiện đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đang bị bệnh cần phải điều trị do đó cần phải có khoản kinh phí để điều trị thuốc men, viện phí do đó cần buộc ông T1 cấp dưỡng cho cháu T là phù hợp. Bà M yêu cầu cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp với thu nhập tiền lương của ông T1 nên cần chấp nhận yêu cầu của bà M.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 8, 9, 51, 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sầm Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Sầm Thị M được ly hôn với bị đơn ông Mông Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Mông Đức T, sinh ngày 30/5/2022 cho bà Sầm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Mông Văn T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Mông Đức T mỗi tháng 2.500.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không.

5. Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm: Bà Sầm Thị M phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005567 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Án phí cấp dưỡng 300.000 đồng buộc ông Mông Văn T1 phải nộp.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Tòa

